

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 14 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,829.04 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dầu khí. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường đang cho thấy xu hướng tạo đáy ngắn hạn phía trên ngưỡng 1,800; trong những phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục trở về vùng 1850 - 1860. Tuy nhiên, nhà đầu tư nên ưu tiên giao dịch thận trọng vì thị trường chưa có tín hiệu xu hướng rõ ràng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 30/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+14.06** điểm, đóng cửa tại **1829.04** điểm. HNX-Index **+3.41** điểm, đóng cửa tại **256.13** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+3.10)**, **TCB (+1.55)**, **VCB (+1.25)**, **MWG (+1.10)**, **MBB (+0.87)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.86)**, **GVR (-0.83)**, **FPT (-0.57)**, **HPG (-0.49)**, **GEE (-0.39)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **27,374** tỷ đồng, tăng **15.47%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 29,096 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.99 điểm. Thị trường có **213** mã tăng, 48 mã tham chiếu, **118** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **685.06** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (385.08 tỷ)**, **MSN (276.66 tỷ)**, **BID (180.05 tỷ)**, **MBB (122.82 tỷ)**, **BSR (88.80 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **29.79** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.22%**. Các mã diễn biến tích cực:

PVS (+4.37%)
[\(Link báo cáo\)](#)

KBC (+3.87%)
[\(Link báo cáo\)](#)

BID (+3.85%)
[\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.20%**. Các mã diễn biến tích cực:

VGC (+6.82%)
[\(Link báo cáo\)](#)

DGW (+4.14%)
[\(Link báo cáo\)](#)

SIP (+4.10%)
[\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.22%	1.20%	0.77%	0.54%
1 tuần	-0.79%	-1.24%	-2.23%	-2.31%
1 tháng	8.04%	3.74%	2.50%	-0.04%
3 tháng	8.18%	-1.09%	11.55%	7.66%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,829.04	256.13	129.06
% 1D	0.77%	1.35%	0.48%
GTKL (tỷ VND)	27,374	2,287	1,260
%1D	15.47%	48.21%	4.91%
GDNN (tỷ VND)	685.06	29.79	21.40

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	385.08	VIC	-323.18
MSN	276.66	ACB	-107.60
BID	180.05	MWG	-105.75
MBB	122.82	VCB	-68.89
BSR	88.80	GVR	-54.80

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

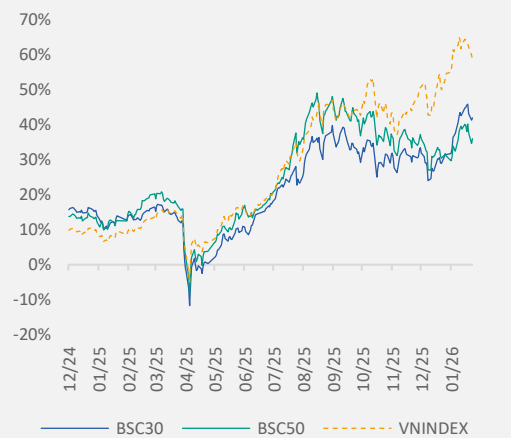
		%D	%W
SPX	6,969	-0.13%	0.81%
FTSE100	10,187	0.15%	0.43%
Eurostoxx	5,929	0.13%	-0.09%
Shanghai	4,118	-0.96%	-0.44%
Nikkei	53,323	-0.10%	-0.88%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.92	-0.97%
Giá vàng	5,082	-6.91%
Tỷ giá		
USD/VND	26,100	-0.38%
EUR/VND	31,688	-0.79%
JPY/VND	172	-1.15%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	7.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	53.90	3.85%	3.10	7.02
TCB	35.90	2.87%	1.55	7.09
VCB	70.50	1.00%	1.25	8.36
MWG	92.90	3.80%	1.10	1.47
MBB	27.20	1.87%	0.87	8.05

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	230.70	7.35%	1.85	0.20
KSF	70.50	2.92%	1.01	0.90
PVS	45.40	4.37%	0.55	0.51
IDC	47.90	3.46%	0.34	0.38
CEO	20.00	3.63%	0.22	0.57

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVL	13.00	7.00%	0.43	13.15
CMX	6.74	6.98%	0.01	0.36
ANT	40.60	6.98%	0.01	0.11
EVG	7.82	6.98%	0.02	1.78
PNC	27.70	6.95%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHC	120.20	9.97%	0.77	0.00
ARM	36.80	9.85%	0.04	0.00
KDM	34.00	9.68%	0.10	0.08
SPC	8.20	9.33%	0.03	0.01
NFC	68.80	8.86%	0.37	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	106.00	-0.93%	-0.86	4.11
GVR	39.85	-2.45%	-0.83	4.00
FPT	104.50	-1.51%	-0.57	1.70
HPG	26.80	-1.11%	-0.49	7.68
GEE	180.80	-2.80%	-0.39	0.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGS	49.00	-7.55%	-0.10	0.05
THD	30.80	-0.96%	-0.06	0.38
SCG	64.30	-0.77%	-0.02	0.09
L40	77.20	-4.10%	-0.02	0.01
LAS	16.30	-1.81%	-0.02	0.11

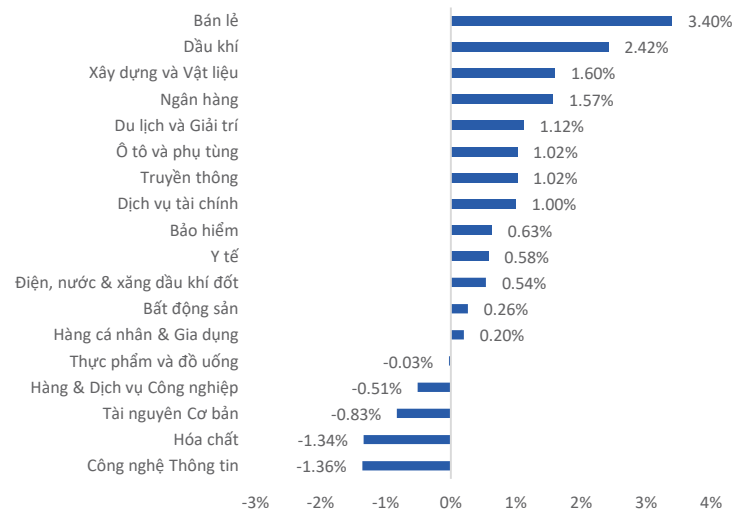
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	9.49	-6.96%	-0.01	0.02
DHA	59.60	-6.88%	-0.01	0.64
HVX	2.17	-6.87%	0.00	0.32
HII	5.57	-6.86%	-0.01	1.53
COM	34.10	-6.83%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

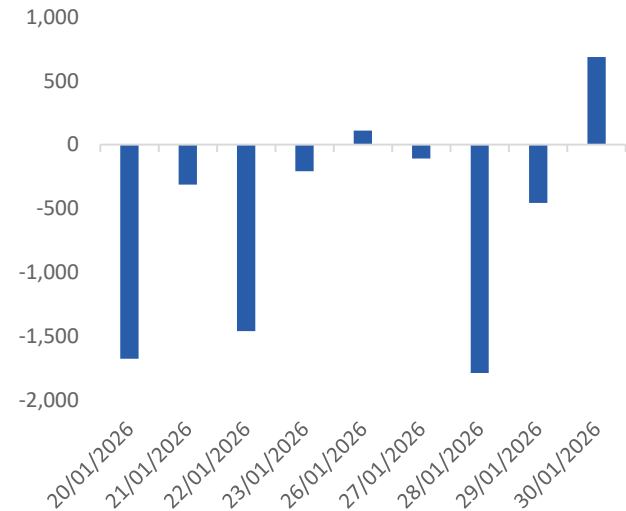
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CAN	27.10	-9.97%	-0.05	0.00
PJC	27.10	-9.67%	-0.07	0.00
VTH	7.70	-9.41%	-0.02	0.03
PTS	9.70	-9.35%	-0.02	0.06
MED	20.40	-9.33%	-0.09	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	92.9	3.8%	1.2	136,420	2018.9	3,957	23.5	106,000	47.6%	Link
KBC	Bất động sản	34.9	3.9%	1.1	32,867	166.0	1,872	18.6	46,000	11.3%	Link
KDH	Bất động sản	27.5	2.2%	1.2	30,861	506.1	857	32.1	39,900	27.2%	Link
PDR	Bất động sản	17.7	2.3%	1.5	17,661	188.2	211	84.1	28,200	6.7%	Link
VHM	Bất động sản	106.0	-0.9%	1.2	435,386	611.1	10,008	10.6	119,600	8.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	104.5	-1.5%	0.5	178,016	1278.6	5,511	19.0	118,700	39.9%	Link
BSR	Dầu khí	22.4	2.5%	0.0	112,164	500.4	413		23,200	1.3%	Link
PVS	Dầu khí	45.4	4.4%	1.6	23,218	519.3	3,560	12.8	42,800	15.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.6	-0.2%	1.3	25,433	243.2	1,454	16.2		33.5%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	31.2	0.0%	1.3	77,598	593.9	1,874	16.6		33.2%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	36.7	1.4%	1.2	31,156	343.8	1,849	19.8		17.5%	Link
DCM	Hóa chất	36.6	-1.1%	1.2	19,376	149.9	3,618	10.1	47,300	3.9%	Link
DGC	Hóa chất	68.6	1.2%	1.1	26,053	242.0	8,296	8.3	109,300	5.7%	Link
ACB	Ngân hàng	24.1	1.3%	0.9	123,793	393.4	3,042	7.9	28,400	28.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.8	1.2%	1.1	300,969	1098.0	4,292	9.0	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	28.3	1.6%	1.2	141,649	451.1	3,432	8.2	34,400	23.0%	Link
MBB	Ngân hàng	27.2	1.9%	1.1	219,096	770.1	3,325	8.2	29,300	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	12.4	2.1%	1.0	38,688	65.0	1,729	7.2	14,000	29.4%	Link
STB	Ngân hàng	63.0	0.3%	1.0	118,769	832.0	6,519	9.7		14.2%	Link
TCB	Ngân hàng	35.9	2.9%	1.0	254,396	419.0	3,577	10.0	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.2	3.0%	1.1	47,714	113.7	2,358	7.3	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	70.5	1.0%	0.9	589,075	816.1	4,202	16.8	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.8	1.7%	0.9	60,591	145.0	2,143	8.3	23,000	4.9%	Link
VPB	Ngân hàng	28.0	1.3%	1.0	222,150	450.6	3,024	9.3	36,500	25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	-1.1%	1.1	205,702	1516.8	1,876	14.3	33,170	20.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.1	-0.9%	1.2	9,998	31.8	1,184	13.6	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.2	-0.5%	1.2	10,834	251.4	3,915	7.2	28,800	2.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	84.0	-0.1%	1.1	121,457	909.2	2,710	31.0	98,300	22.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	70.6	-0.7%	0.7	147,551	560.3	4,160	17.0	64,500	50.2%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	49.0	4.14%	1.3	10,837	304.9	2,494	19.7	22.6%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	169.9	2.97%	0.8	28,934	169.1	4,667	36.4	32.6%		Link
BVH	Bảo hiểm	69.8	1.01%	1.2	51,814	49.1	3,578	19.5	26.9%		Link
DIG	Bất động sản	16.2	1.25%	1.3	12,902	214.2	990	16.4	2.8%		Link
DXG	Bất động sản	15.4	1.32%	1.4	17,131	179.0	395	39.0	22.6%		Link
HDC	Bất động sản	21.7	1.64%	1.2	4,335	99.5	2,559	8.5	1.5%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	27.5	3.98%	1.4	10,155	146.3	938	29.3	19.1%		Link
IDC	Bất động sản	47.9	3.46%	1.4	18,178	446.9	5,090	9.4	13.9%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	29.5	3.51%	1.2	14,286	87.9	1,805	16.3	42.5%		Link
SIP	Bất động sản	61.0	4.10%	1.1	14,769	105.6	5,601	10.9	2.9%		Link
SZC	Bất động sản	32.2	2.88%	1.0	5,796	47.6	1,917	16.8	2.8%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	15.7	1.62%	1.3	14,320	118.2	416	37.8	9.8%		Link
VIC	Bất động sản	140.5	0.00%	1.0	1,082,697	965.9	1,739	80.8	3.0%		Link
VRE	Bất động sản	30.2	0.67%	1.1	68,624	208.4	2,837	10.7	12.4%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.8	0.70%	1.3	8,338	22.5	1,680	21.3	38.2%		Link
PLX	Dầu khí	58.9	2.08%	1.0	74,838	406.3	2,090	28.2	15.4%		Link
PVD	Dầu khí	31.0	3.33%	1.1	17,232	488.9	1,602	19.4	11.1%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.9	0.92%	1.3	11,400	36.7	1,161	28.3	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	26.5	0.38%	1.7	17,683	79.9	1,887	14.1	0.7%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	117.0	0.17%	1.1	282,315	435.9	5,014	23.3	2.4%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.8	2.61%	1.2	42,183	226.8	673	20.4	5.1%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.1	0.16%	0.7	33,637	50.4	4,776	13.0	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	170.5	3.96%	1.0	100,870	281.2	3,728	45.7	6.9%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36.7	0.55%	1.4	33,118	311.8	1,635	22.5	8.5%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.5	0.88%	1.1	29,215	140.7	3,492	19.6	38.4%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.5	0.53%	1.0	9,541	72.2	6,258	9.0	7.1%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.8	1.22%	1.1	9,751	97.5	2,210	9.4	10.8%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	111.2	-0.18%	1.0	13,542	121.2	3,139	35.4	5.6%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	127.0	0.40%	1.1	43,326	481.3	6,907	18.4	48.6%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.7	0.38%	1.0	2,991	42.4	2,402	11.1	48.5%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.8	-0.95%	1.4	2,678	29.9	3,163	6.6	17.4%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	24.0	0.21%	1.1	16,284	110.7	1,579	15.2	3.9%		Link
GVR	Hóa chất	39.9	-2.45%	1.2	159,400	254.4	1,406	28.3	0.8%		Link
EIB	Ngân hàng	20.9	-0.48%	1.3	38,838	255.9	1,635	12.8	3.1%		Link
LPB	Ngân hàng	41.7	-0.12%	0.4	124,420	62.0	3,824	10.9	0.7%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	0.35%	0.5	24,277	17.4	2,337	6.1	1.7%		Link
OCB	Ngân hàng	11.8	0.85%	0.9	31,424	17.5	1,460	8.1	19.7%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.2	-0.65%	1.3	6,803	54.6	571	26.6	5.1%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.6	0.00%	1.2	7,602	55.3	3,754	7.6	3.2%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.9	0.42%	0.6	10,899	114.7	1,715	20.9	4.0%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.9	-0.80%	0.6	64,000	90.3	3,449	14.5	58.4%		Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	64.7	-0.46%	1.0	14,522	100.8	6,944	9.3	20.8%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	163.0	2.00%	0.4	13,343	51.2	15,010	10.9	84.3%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	76.8	1.19%	1.2	8,179	39.3	6,245	12.3	49.0%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	96.7	0.73%	1.1	11,061	60.0	5,244	18.4	5.6%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.5	1.02%	1.3	4,481	38.7	3,241	13.7	9.9%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.00%	1.1	6,676	54.6	1,094	11.2	10.3%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.2	0.83%	1.1	9,953	197.8	1,377	17.6	14.0%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	19.2	0.79%	1.1	12,380	149.0	6,148	3.1	3.6%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	50.1	6.82%	1.4	22,462	205.3	3,130	16.0	2.7%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
2	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
3	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
4	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
5	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
6	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
7	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
9	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
17	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
18	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
19	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>